

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quý Hòa;

Ông Trần Xuân Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hồng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2025/QĐXXST-HNGĐ ngày /7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai).

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2025 và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 trước khi đi đến hôn nhân có quá trình tìm hiểu khoảng 02 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã H, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn vợ, chồng sống ở khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai). Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc. Vợ, chồng xây ra mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Nguyên nhân là do bà T1 có nhiều mối quan hệ mập mờ với người đàn ông khác. Trong đời sống hàng ngày giữa vợ chồng thường có nhiều xích mích trong cuộc sống, nhưng mỗi lần xích mích thì bà T1 bỏ nhà đi khoảng một tuần mới về nhà và không rõ đi đâu. Ông T nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, đã nhiều lần ông tha thứ cho vợ ông nhưng vợ ông không thay đổi, cả hai cũng không thể quay về như lúc trước. Vợ, chồng hiện đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Hiện nay ông T đang ở nhà của vợ chồng tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai); còn bà T1 hiện tại đi đâu làm gì ông không rõ. Vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau từ lúc ly thân cho đến nay. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T1 và yêu cầu giải quyết việc con chung để ông ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh năm 2001 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009. Hiện tại cháu K và cháu D đang ở với ông. Cháu K đã trưởng thành và tự lập nên ông không có yêu cầu gì. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Anh D cho ông tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/7/2025, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2025, bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Văn T và trước khi đi đến hôn nhân có quá trình tìm hiểu khoảng 02 năm và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã H, tỉnh Gia Lai). Sau khi kết hôn vợ, chồng sống tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai). Cuộc sống vợ, chồng hạnh phúc. Cuộc sống gia đình hạnh phúc. Vợ chồng bắt đầu xây ra mâu thuẫn từ năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng bà có nhiều xích mích, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nên thường xuyên mâu thuẫn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm cũng không thể hàn gắn nên nếu chồng bà là ông Nguyễn Văn T có yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh năm 2001 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009. Hiện tại cháu K và cháu D đang ở với chồng bà. Cháu K đã trưởng thành và tự lập nên bà không có yêu cầu

gi. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Anh D cho chồng bà tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ, chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu.

Ngày 02/6/2025, bà Trần Thị Thanh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong giai đoạn thụ lý hồ sơ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét thấy, tình cảm vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Trần Thị Thanh T1.

Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung tên giao cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Thanh T1, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 có hộ khẩu thường trú tại khu phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (Nay là khu phố G, xã H, tỉnh Gia Lai). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Gia Lai.

[2] Xét đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2000 tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã H, tỉnh Gia Lai) nên hôn nhân của vợ chồng ông bà là hợp pháp. Theo ông T thì khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bà T1 có

hiều mối quan hệ mập mờ với người đàn ông khác. Trong đời sống hàng ngày giữa vợ chồng thường có nhiều xích mích trong cuộc sống, nhưng mỗi lần xích mích thì bà T1 bỏ nhà đi khoảng một tuần mới về nhà và không rõ đi đâu. Ông T đã nhiều lần tha thứ cho vợ ông nhưng vợ ông không thay đổi, cả hai cũng không thể quay về như lúc trước, hiện mỗi người sống một nơi. Bà T1 bỏ đi và ở đâu không rõ từ năm 2024 cho đến nay.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh T1 trình bày: Về quá trình kết hôn, chung sống tương tự như ông T trình bày. Còn nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà đã bỏ đi từ lúc vợ chồng mâu thuẫn cho đến nay.

Nay ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ được nên ông T, bà T1 đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng ông T, bà T1 mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc và thực tế họ đã không còn sống chung với nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 có 02 con chung là Nguyễn Anh K, sinh năm 2001 và Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009. Hiện tại cháu K và cháu D đang ở với chồng bà. Cháu K đã trưởng thành và tự lập nên cả hai không có yêu cầu gì. Hiện cháu D đang được ông T nuôi dưỡng. Ông T và bà T1 yêu cầu ông T được nuôi dưỡng cháu D và cháu D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên xem xét giao 01 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Thanh T1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Gia Lai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Trần Thị Thanh T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 17/10/2009 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. Bà T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên: Người thân thích của con; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số, ngày của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Gia Lai).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 5 – Gia Lai + Tỉnh;
- Các bên đương sự;
- Phòng THADS khu vực 5 – Gia Lai;
- UBND xã Hoài Ân;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Tâm